

Bản án số: 508/2022/HS-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 174/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Võ Thị Ngọc Gi;

Do có kháng cáo của bị cáo Võ Thị Ngọc Gi đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2022/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Ngọc Gi (tên gọi khác: S), sinh năm 1983 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: Ấp B, xã Suối Ng, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Th và bà Đoàn Thị Ng; chồng tên Đỗ Thanh H, sinh năm 1977, có 02 con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Ngọc Gi: Luật sư Nguyễn Minh Th – Luật sư Công ty Luật TNHH Tân Kim H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Ngoài ra vụ án còn có những bị cáo, bị hại khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn tài chính MB S (sau đây viết tắt là Công ty M) và 03 cửa hàng kinh doanh xe máy, đồ gỗ trên địa bàn huyện Tân Ch gồm Hoàng L (do Nguyễn Chí L là đại diện), Ngọc L (do Lê Thị Kim Ng đại diện), Thanh H (do Đỗ Thanh H đại diện) ký kết hợp đồng hợp tác với nội dung Công ty M sẽ cho người dân vay tiền để mua hàng hóa của 03 cửa hàng, hình thức vay trả góp, lãi suất 63%/năm.

Về phía cửa hàng Hoàng L và cửa hàng Ngọc L, nếu cho vay đạt doanh số quy định sẽ được Công ty M cho hưởng tiền 01%/tổng số tiền giải ngân cho vay, nếu vượt doanh số sẽ hưởng thêm 01%, riêng cửa hàng Thanh H không được Công ty M ký kết nội dung này.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty M phân công Nguyễn Tiến Qu là nhân viên công ty đến trực tại cửa hàng Ngọc L và Thanh H để hỗ trợ cho người dân làm thủ tục vay tiền (thủ tục vay gồm: ảnh người vay, ảnh chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, hợp đồng vay, phiếu bán hàng, số điện thoại để công ty thẩm định). Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 12/2019, bị cáo Qu đã cùng bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo Nguyễn Thị Th – chủ cửa hàng Hoàng L, bị cáo Lê Thị Kim Ng – chủ cửa hàng Ngọc L và bị cáo Võ Thị Ngọc Gi – chủ cửa hàng Thanh H cấu kết với nhau làm khống các hợp đồng vay tiền, chiếm đoạt tiền của Công ty M, cụ thể như sau:

*** Tại cửa hàng Hoàng L:**

Khoảng tháng 4/2019, bị cáo L biết cửa hàng Hoàng L có làm hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp nhưng đưa tiền mặt nên L đã gặp trực tiếp bị cáo Th trao đổi nội dung bị cáo L mượn thông tin của những người làm hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp tại cửa hàng Hoàng L để vay tiền, hàng tháng bị cáo L sẽ đóng tiền gốc và lãi cho Công ty M, nếu hợp đồng vay 20.000.000 đồng thì bị cáo Th được 2.000.000 đồng tiền phí làm hồ sơ. Mặc dù biết không có khách hàng vay mua hàng thật nhưng bị cáo Th vẫn đồng ý.

Sau đó, bị cáo L đã nói dối để chị Nguyễn Thị L1 đi mua đồ gỗ mướn và dẫn anh Lưu Văn Th1 đi mua xe tại cửa hàng Hoàng L, rồi lấy thông tin của chị L1, anh Th1 để bị cáo Th đưa cho nhân viên trực tại cửa hàng là Trương Thị Lan Tr làm 02 hồ sơ vay.

Kết quả đối với 02 hợp đồng nêu trên, Công ty M đã giải ngân 42.200.000 đồng, trong đó chuyển cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ X

(sau đây viết tắt là Công ty bảo hiểm X) số tiền 2.200.000 đồng, chuyển cho bị cáo Th số tiền 40.000.000 đồng. Bị cáo Th giữ lại 4.000.000 đồng, đưa cho bị cáo L số tiền 36.000.000 đồng. Đối với số tiền 36.000.000 đồng, bị cáo L đã sử dụng để chi phí: Tiền mua sim làm hợp đồng là 300.000 đồng, cho chị L1 là 1.000.000 đồng, chi phí đi lại cho anh Th1 và chị L1 là 392.000 đồng, chi tiền ăn cho anh Th1 và chị L1: 50.000 đồng, nộp lại cho Công ty M số tiền 21.378.000 đồng. Số tiền còn lại 12.880.000 đồng, bị cáo L đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện bị cáo Th đã nộp lại 4.000.000 đồng.

*** Tại cửa hàng Ngọc L:**

Khoảng tháng 4/2019, bị cáo Qu và bị cáo L gặp bị cáo Ng trao đổi việc bị cáo L sẽ dẫn người dân đến cửa hàng Ngọc L để làm hồ sơ vay tiền mua hàng trả góp nhưng thực tế là cho người dân vay tiền mặt của Công ty M, đồng thời cho bị cáo Ng thu phí như sau: Nếu hợp đồng 20.000.000 đồng thì bị cáo Ng được 2.000.000 đồng, hợp đồng 15.000.000 đồng thì bị cáo được 1.500.000 đồng. Mặc dù biết không có người vay mua hàng thật nhưng bị cáo Ng vẫn đồng ý và yêu cầu thu trước 03 tháng tiền gốc, lãi để đóng lại cho Công ty M, cả ba bị cáo thống nhất thực hiện.

Sau đó, bị cáo L đã tìm được một số người dân, nói dối họ đem giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đi theo bị cáo mua đồ gỗ mướn sẽ được trả công. Theo thỏa thuận này, tại cửa hàng Ngọc L, bị cáo Qu đã lấy thông tin của những người được bị cáo L dẫn đến, làm khống và được Công ty M giải ngân 07 hợp đồng vay. Kết quả đối với 07 hợp đồng nêu trên, Công ty M đã giải ngân 115.990.000 đồng, trong đó chuyển cho công ty bảo hiểm số tiền 6.050.000 đồng, chuyển cho cửa hàng Ngọc L số tiền 109.940.000 đồng. Bị cáo Ng giữ lại 14.000.000 đồng, trong số tiền 14.000.000 đồng này Ng đã cho Qu 1.400.000 đồng, thu 03 tháng tiền gốc và lãi đóng lại cho Công ty M số tiền là 32.770.000 đồng, đưa cho Nguyễn Thị L số tiền 63.170.000 đồng.

Đối với số tiền 63.170.000 đồng, bị cáo L đã sử dụng để chi phí: Tiền mua sim làm hợp đồng là 1.050.000 đồng, cho tiền người dân đi theo L đến cửa hàng Ngọc L là 6.000.000 đồng, trả tiền xe đưa người dân đi là 1.904.000 đồng, chi tiền ăn cho người dân: 140.000 đồng, đóng lại cho Công ty M số tiền 13.309.000 đồng. Số tiền còn lại là 40.767.000 đồng, bị cáo L đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện bị cáo Ng đã giao nộp 12.600.000 đồng.

*** Tại cửa hàng Thanh H:**

Khoảng tháng 6/2019, bị cáo Qu đến cửa hàng Thanh H gặp bị cáo Gi nói dối Công ty M có chương trình cho người dân vay tiền mua hàng trả góp nhưng được nhận tiền mặt, bị cáo Qu sẽ làm hợp đồng nơi khác nhưng trong hợp đồng sẽ lấy cửa hàng Thanh H làm nơi bán hàng nhằm giúp cửa hàng Thanh H đạt doanh số kinh doanh để được hưởng tiền hoa hồng. Bị cáo Qu và bị cáo Gi thống nhất, đồng thời bị cáo Gi sẽ được nhận phí làm hợp đồng như sau: nếu hợp đồng vay là 10.000.000 đồng, bị cáo Gi được 250.000 đồng đến 300.000 đồng, nếu hợp đồng vay là 14.990.000 đồng bị cáo Gi được 500.000 đồng và

nếu hợp đồng vay là 20.000.000 đồng bị cáo Gi nhận 750.000 đồng. Bị cáo Qu nói với bị cáo Gi sẽ có “cò” dẫn người đến để lập hợp đồng. Mặc dù biết không có người dân mua vay hàng thật và sẽ có hợp đồng không lập tại cửa hàng của mình nhưng bị cáo Gi vẫn đồng ý.

Sau đó bị cáo L đã dẫn người dân đến cửa hàng Thanh H, Ngọc L (giải ngân qua tài khoản cửa hàng Thanh H) để lập hợp đồng vay. Bị cáo L trực tiếp đi tìm người dân, nói dối họ mang theo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu đi theo L mua đồ gỗ muốn được trả tiền công hoặc đi nhận quà từ thiện.

Sau một thời gian, bị cáo L dẫn người đến cửa hàng Thanh H để bị cáo Gi chụp ảnh hồ sơ, chụp ảnh khách hàng và Nguyễn Tiến Qu làm hồ sơ vay tiền; Gi yêu cầu Qu không dẫn khách vào cửa hàng Thanh H nữa, đưa đến nơi khác làm hồ sơ, G sẽ nhận giải ngân và chuyển tiền cho Qu. Do đó, Qu chuyển đến quán trà sữa Leo do chị Lê Thị L2 làm chủ quán. Để đối phó lại với việc nhân viên của Công ty M gọi điện thoại thẩm định với người vay, bị cáo Qu và bị cáo L nói dối chị L2, anh Giang Đình Th2 – chồng chị L2, anh Lê Danh K, Lê Danh C – em chị L2 việc do khách hàng vay tiền đi về trước hoặc khách vay tiền làm nông, không biết chữ để nhờ đọc tờ giấy do bị cáo Qu viết sẵn để trả lời thẩm định. Chị L2 đã ký tên người vay 01 hồ sơ, bị cáo Qu lấy thông tin người dân làm không được 101 hợp đồng vay.

Kết quả đối với 101 hợp đồng nêu trên, Công ty M đã giải ngân 1.771.780.000 đồng, trong đó chuyển cho Công ty bảo hiểm X số tiền 92.400.000 đồng, chuyển cho cửa hàng Thanh H số tiền 1.679.380.000 đồng. Võ Thị Ngọc Gi hưởng 40.490.000 đồng. Gi chuyển khoản cho Qu số tiền 1.638.890.000 đồng.

Đối với số tiền được bị cáo Qu giao, bị cáo L đã sử dụng để chi phí: Tiền mua sim làm hợp đồng là 22.170.000 đồng, cho tiền người dân là 88.200.000 đồng, trả tiền xe đưa người dân đi là 25.126.000 đồng, chi tiền ăn cho người dân: 2.000.000 đồng, nộp lại cho Công ty M số tiền 196.808.000 đồng. Bị cáo Gi đã giao nộp lại 34.270.000 đồng.

Trong quá trình bị cáo Qu đưa tiền có được từ việc lập khống hồ sơ vay cho bị cáo L, Qu có nhờ bà Nguyễn Thị H, là mẹ ruột của Qu, đưa cho Nguyễn Thị L 40.000.000 đồng. Mặt khác, bà H cùng bị cáo Qu đến gặp bị cáo L tại huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh, Qu điện thoại cho L đến gặp để nói chuyện và đưa danh sách hồ sơ vay tiền để L ký nhận.

* Tại Kết luận giám định số 584/KL-KTHS ngày 27/5/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, xác định: Các chữ ký, chữ viết “Lê Mỹ Lệ”, “Đặng Thị Hải”, “phạm út em”, “TRẦN Thị Là”, “Huỳnh Thị nhơn”, “Luu Thị Gái”, “Vương Thị Mỹ Phụng”, “Lê Thị À”, “PHẠM Thị Lợi”, “Nguyễn Thị NGỌC Hai”, “TRẦN THỊ GÁI”, “Nguyễn Thị Phượng Quyên”, “Trần Thị Ao”, “LÊ THỊ KIM LAN”, “Đặng thu thủy” trên tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký và viết ra.

* Kết luận giám định số 1354/KL-KTHS ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, xác định:

- Các chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị Diệp”, “Hò Thị Hoa”, “Phan Thị Tuyết Nga”, “trần thị Người”, “nguyễn văn Diệp”, “Nguyễn Văn Vũ”, “nguyễn Thị Duyên”, “ Nguyễn thị Á”, “Lê Thị Sương”, “Lê Thị Diệp”, “TRẦN THỊ GÁI ĐEN”, “ Nguyễn Thị Sự”, “Lê Thị ngọc giàu”, “Mai Thị Lan”, “Phan Thị Mỹ Hạnh”, “Nguyễn Thị Nga”, “Ngô Thị Bích Liễu”, “Trần Thị Hoanh”, “Trần Thị Kim Hoa”, “Nguyễn Thị Huệ”, “Phan Thị Tền”, “Trà Thị út”, “Huỳnh Thị Muội”, “Nguyễn Bích Hạnh”, “Hò thị Toán”, “phan thị Châm”, “Phan thị Huỳnh linh”, “Lê Văn Sĩ”, “Nguyễn thị Khá”, “Nguyễn thị thu”, “Lê Thị Út”, “Nguyễn Văn Giang”, “Phạm Thị Tuyết Vân”, “Đặng THỊ Bé Thanh”, “Tạ Thị Nga”, “Dương Thị chậm”, “Võ thị Màu”, “Nguyễn Hồng Liên”, “Hò Thị Siêm”, “Võ THỊ Lực”, “Đỗ Hồng Chấn”, “Nguyễn văn Đầu”, “Võ THỊ Kim Lưu”, “Đặng Thị Xuân” Ngô THỊ Cúc”, “Lê thị Kim Hoa”, “ Võ Thị Kim Loan”, “Huỳnh THỊ Diệp”, “nguyễn thị niêm”, “Thái Thị Diệu”, “Hò Thị Thanh”, “nguyễn Thị Liên”, “Hò Thị Thủy”, “Phạm Thị Mộng Trinh”, “LƯU VĂN CHÉN”, “LÊ THỊ TIẾN”, “PHẠM THỊ SÀNH”, “LÊ THỊ DUNG”, “HỒ VĂN THO”, “HỒ THỊ HỒNG”, “Châu Mỹ duyên”, “HUỲNH THỊ NHÂN”, “LÊ THỊ GÁI” trên tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Hoài Khanh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A54) với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M107, M108) không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký mang tên “NGUYỄN VĂN NUNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A59) với chữ ký trên tài liệu mẫu (ký hiệu M117, M118) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ viết “NGUYỄN VĂN NUNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A59) không có mẫu chữ viết so sánh nên không tiến hành giám định.

- Chữ viết “Nguyễn Hoài Khanh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A54) với chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M131 đến M135) là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A01 đến A53; A55 đến A100) trên tài liệu mẫu (ký hiệu M131 đến M135) là không phải do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A01 đến A100) trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M131 đến M135) có phải do cùng một người ký ra không.

* Kết luận giám định số 2027/KL-KTHS ngày 08/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, xác định:

- Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị Điệp”, “duong văn cang”, “Luu Văn Thanh”, “NGUYỄN THỊ HANH” trên tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A01 đến A09) với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M09, M10) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết “NGUYỄN KIM PHƯƠNG” và “Nguyễn Kim Phương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A03, A05) với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M10, M11) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết “NGUYỄN KIM PHƯƠNG” và “Nguyễn Kim Phương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A03, A05) với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M12 đến M16) là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ viết “Loan NGUYỄN THỊ LOAN” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A05) với chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M13 đến M16) là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ viết “Thanh Luu Văn Thanh” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A03) với chữ viết trên tài liệu mẫu (ký hiệu M13 đến M16) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

*** Phân trách nhiệm dân sự:**

- Công ty M yêu cầu bồi thường thiệt hại tạm tính đến ngày 31/12/2020 là 3.577.309.095 đồng, trong đó: Tiền gốc là 1.793.732.356 đồng; tiền lãi, phạt là: 1.783.576.737 đồng. Tại phiên tòa, yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Gi đã nộp số tiền 34.270.000 đồng, bị cáo Ng đã nộp số tiền 12.600.000 đồng, bị cáo Th đã nộp số tiền là 4.000.000 đồng và bị cáo Qu đã nộp 40.000.000 đồng.

*** Biện pháp cưỡng chế:**

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 06/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 6.295.554 đồng trong tài khoản 657704060185627 của Nguyễn Tiến Qu tại Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 04 ngày 14/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 20.718.307 đồng trong tài khoản 0701000415730 của Nguyễn Thị Th tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 05 ngày 14/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 19.890.000 đồng trong tài khoản

66110002695862 của Lê Thị Kim Ng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 03 ngày 17/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 20.000.001 đồng trong tài khoản 107873254743 của Võ Thị Ngọc Gi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Tây Ninh.

- Đối với bị cáo L: Không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tiến Qu, Nguyễn Thị L (Năm, Đèo), Võ Thị Ngọc Gi (Sân), Lê Thị Kim Ng và Nguyễn Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Qu 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L (Năm, Đèo) 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Gi (S) 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim Ng 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Suối D, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Thị Kim Ng cho Ủy ban nhân dân xã Suối D, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Suối D, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tân Th, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Th cho Ủy ban nhân dân xã Tân Th, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tân Th, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Ng và Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Lê Thị Kim Ng, Nguyễn Thị Th.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

3.1 Cửa hàng Hoàng L: Bị cáo Nguyễn Thị Th và bị cáo Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới bồi thường theo phần cho Công ty tài chính TNHH MB S, cụ thể: Bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường số tiền 14.208.586 đồng (Mười bốn triệu hai trăm lẻ tám nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng); bị cáo Th có nghĩa vụ bồi thường 4.413.414 đồng, ghi nhận bị cáo Th đã nộp 4.000.000 đồng tại cơ quan điều tra vào ngày 09/3/2021 để bồi thường thiệt hại (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2022) nên bị cáo Th còn có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền 413.414 đồng (Bốn trăm mười ba nghìn bốn trăm mười bốn đồng).

3.2 Cửa hàng Ngọc L: Các bị cáo Lê Thị Kim Ng, Nguyễn Thị L và Nguyễn Tiến Qu có nghĩa vụ liên đới bồi thường theo phần cho Công ty tài chính TNHH MB S, cụ thể: Bị cáo L 47.538.128 đồng, bị cáo Ng: 14.688.030 đồng, ghi nhận bị cáo Ng đã nộp 12.600.000 đồng tại cơ quan điều tra vào ngày 04/3/2021 để bồi thường thiệt hại (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2022) nên bị cáo Ng còn có nghĩa vụ bồi thường 2.088.030 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn không trăm ba mươi đồng) và bị cáo Qu: 1.634.842 đồng, ghi nhận bị cáo Qu đã nộp 113.307 đồng theo biên lai thu số 0000211 ngày 15/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bị cáo Qu còn phải bồi thường 1.521.535 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi một nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng).

3.3 Cửa hàng Thanh H: Các bị cáo Võ Thị Ngọc Gi, Nguyễn Thị L và Nguyễn Tiến Qu có nghĩa vụ liên đới bồi thường theo phần cho Công ty tài chính TNHH MB S, cụ thể: Bị cáo L 862.440.391 đồng (Tám trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi một đồng); bị cáo Gi: 44.166.908 đồng, ghi nhận bị cáo Gi đã nộp 34.270.000 đồng tại cơ quan điều tra vào ngày 27/3/2021 để bồi thường thiệt hại (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2022)

nên bị cáo Gi còn phải bồi thường 9.896.908 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm lẻ tám đồng) và bị cáo Qu: 575.503.701 đồng, ghi nhận bị cáo Qu đã nộp 39.886.693 đồng theo biên lai thu số 0000211 ngày 15/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh nên bị cáo Qu còn phải bồi thường 535.617.008 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười bảy nghìn không trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Biện pháp cưỡng chế:

Tiếp tục duy trì các lệnh phong tỏa sau:

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 06/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 6.295.554 đồng trong tài khoản 657704060185627 của Nguyễn Tiến Qu tại Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam (VIB) chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 04 ngày 14/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 20.718.307 đồng trong tài khoản 0701000415730 của Nguyễn Thị Th tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 05 ngày 14/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 19.890.000 đồng trong tài khoản 66110002695862 của Lê Thị Kim Ng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Ninh.

+ Lệnh phong tỏa tài khoản số 03 ngày 17/5/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 20.000.001 đồng trong tài khoản 107873254743 của Võ Thị Ngọc Gi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) chi nhánh Tây Ninh.

5. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự

5.1. Vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Tiến Qu:

Trả cho bị cáo Nguyễn Tiến Qu các tài sản sau nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MITSSUBISHI MIRAGE màu trắng, biển số 70A- 225.15, số máy: 3A92UCT1390, số khung: A03AGH009657 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, kèm theo chìa khóa) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035964 tên Nguyễn Tiến Qu đứng tên, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động Redmi màu xanh, số seri 62d06acc0706 (đã

qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy).

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu trắng đen, model GT-S5360, số Imei 355253/05/644284/7, không có pin (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng);

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Microsof mobile màu đen trắng, code 059W8Q8, không có pin (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động có chữ Anica màu đen (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 (một) Laptop MacBookAir màu bạc, model A1466, IC 4324ABRCM1072 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 (một) ổ cứng màu đen có chữ Orico (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

Trả cho bị cáo Qu 01 (một) thẻ ATM số 9704416850013195825 tên Nguyễn Tiến Qu, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng giao dịch);

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng, số Imei 356172091098332 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy);

- 01 (một) điện thoại di động Redmi 4A màu trắng, số Meid 99000758905287, (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động);

- 01 (một) điện thoại di động Nokia model TA-1174 màu xanh, code 23KIG74VN00, không có pin, (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) mộc dấu màu xanh có tên Nguyễn Tiến Qu, đã qua sử dụng;

5.2 Vật chứng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia NI280 màu đen, số seri 353779048130472 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

(Các vật chứng trên do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

* Tiền Việt Nam: 50.870.000 đồng (Năm mươi triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) đã được chuyển khoản vào tài khoản 3949.0.1054202.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước Tây Ninh tại Lệnh thanh toán đến có số lệnh thanh toán 2220310300871236 ngày 26/01/2022 của Kho bạc Nhà nước Tây Ninh được tạm giữ để đảm bảo thi hành án theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày

26/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6/ Án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng):

6.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Qu phải chịu 25.485.542 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi hai đồng).

Bị cáo L phải chịu 39.725.613 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm mười ba đồng).

Bị cáo Gi phải chịu 494.845 đồng (Bốn trăm chín mươi tư nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng).

Bị cáo Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Đối với 110 hợp đồng không có thật, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của người vay theo các hợp đồng trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/01/2022, bị cáo Võ Thị Ngọc Gi có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên bố bị cáo Gi không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo không phải bồi thường thiệt hại cho Công ty tài chính TNHH MB S; Hoàn trả cho bị cáo Gi số tiền 34.270.000 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra và gỡ lệnh phong tỏa tài khoản ngân hàng của bị cáo Gi.

Ngày 16/6/2022, bị cáo Võ Thị Ngọc Gi có đơn sửa đổi nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ phần hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xin hưởng án treo. Về phần dân sự, bị cáo xin được bồi thường thiệt hại gây ra cho Công ty tài chính TNHH MB S theo nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Võ Thị Ngọc Gi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có tình tiết mới đặc biệt để được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự với có khung hình phạt

từ 12 năm đến 20 năm tù hoặc tù chung thân, án sơ thẩm xử bị cáo 05 năm tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Võ Thị Ngọc Gi trình bày: Bị cáo thấy mình sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin hưởng án treo để được bị cáo về lo cho gia đình, trở thành một công dân tốt.

Luật sư Nguyễn Minh Th trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Võ Thị Ngọc Gi theo điểm a, khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự gồm “phạm tội có tổ chức” và “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này bị cáo Gi đã bị bị cáo Nguyễn Tiến Qu lừa dối, lợi dụng để chiếm đoạt tiền của Công ty M. Bị cáo Gi không biết mình đã tiếp tay, giúp sức cho bị cáo Qu chiếm đoạt tài sản của công ty tài chính. Mặc dù bị cáo Gi không tham gia vào bất cứ công đoạn nào của việc phạm tội do Qu gây ra nhưng việc bị cáo Gi nhận giải ngân giúp cho Qu là hành vi không đúng, mang tính chất giúp sức cho bị cáo Qu. Bị cáo Gi rất hối hận về hành vi của mình đã gây ra. Chỉ vì nhẹ dạ, cả tin bị cáo Qu mà bị cáo đã gây thiệt hại cho công ty S, đã xâm phạm đến lợi ích hợp pháp mà Nhà nước bảo vệ. Tuy nhiên, chính bị cáo Gi là người phát hiện ra hành vi phạm tội của Qu và đã chủ động tố giác hành vi lừa đảo này đến Công ty tài chính. Từ thông tin tố giác tội phạm của bị cáo Gi mà Công ty S mới kịp thời ngăn chặn việc lừa đảo chiếm đoạt tiền và làm đơn tố cáo Qu ra Cơ quan công an (trong hồ sơ vụ án có thể hiện rõ điều này). Bản thân bị cáo Gi có hành vi phạm pháp lần đầu, chưa từng có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương. Bị cáo Gi học đến lớp 5 thì nghỉ học nên khả năng nhận thức, sự hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế. Bị cáo Gi cũng không hề cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ với Qu để thực hiện hành vi phạm tội nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đây là lỗi vô ý của bị cáo Gi vì Gi không hề có ý thức chiếm đoạt tài sản hay cố ý cùng thực hiện tội phạm với bị cáo Qu, L. Hiện nay, bị cáo Gi đang được tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng và có công việc làm ổn định tại địa phương. Bị cáo Gi sống hòa đồng với mọi người nên được bà con và người dân xung quanh luôn quý mến, yêu thương. Bị cáo Gi có hai con nhỏ đang trong tuổi ăn, tuổi lớn nên rất cần sự nuôi dưỡng, quan tâm, chăm sóc và tình yêu thương của người mẹ. Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 4, Điều 174; điểm a, g Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Gi là quá nặng so với vai trò, mức độ mà bị cáo Gi có liên quan trong vụ án. Bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên như Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên xử. Bị cáo Gi có các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự gồm:

*Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu*

quả; Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngoài ra, bị cáo Gi còn có tình tiết là được chính quyền địa phương (UBND xã Suối Ng, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh) xác nhận có nhân thân tốt tại địa phương; là lao động chính trong gia đình; luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động và phong trào đoàn thể khi có yêu cầu theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Gi còn có tình tiết phạm tội lần đầu, chưa từng có tiền án, tiền sự. Bị cáo Gi không có tình tiết tăng nặng là phạm tội có tổ chức và phạm tội từ 02 lần trở lên (điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự).

Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo Gi, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Gi có được để áp dụng Điều 50, Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Ngọc Gi, cụ thể: Sửa Bản án sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 mà Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên theo hướng: Về phần hình sự, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo Gi được hưởng án treo đối với tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về phần dân sự, Bị cáo Gi đã bồi thường toàn bộ thiệt hại là 44.166.908 đồng theo Bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử nên không có ý kiến về số tiền bồi thường. Gỡ bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số 03 ngày 17/05/2021 của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Tây Ninh đối với số tiền 20.000.000 đồng trong tài khoản số 107873254743 của Võ Thị Ngọc Gi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư của bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Ngọc Gi đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng đầu năm 2018 giữa Công ty

M và 03 cửa hàng kinh doanh xe máy, đồ gỗ trên địa bàn huyện Tân Ch gồm Hoàng L, Ngọc L và Thanh H ký kết hợp đồng hợp tác với nội dung Công ty M sẽ cho người dân vay tiền để mua hàng hóa của 03 cửa hàng, hình thức vay mua hàng trả góp. Theo Quyết định về việc ban hành “Quy trình cho vay mua hàng trả góp”, Quyết định về việc ban hành quy trình thẩm định và phê duyệt cho vay trả góp tiêu dùng của Công ty M, Hợp đồng lao động và các hợp đồng hợp tác của Công ty M với các hộ kinh doanh, thể hiện Công ty M thực hiện việc hỗ trợ tài chính đối với các khách hàng mua hàng hóa tại các hộ kinh doanh mà không đủ tiền để trả, hình thức hỗ trợ là vay tiền mặt, trả góp vốn và trả lãi hàng tháng. Theo quy định là phải có khách hàng thực sự, có việc mua hàng hóa tại các hộ kinh doanh, có thanh toán một khoản tiền trả trước, sau đó chủ hộ kinh doanh giao hàng hóa và cung cấp cho khách hàng biên nhận hợp lệ có đầy đủ chữ ký của người nhận và người giao hàng khách hàng và chủ hộ kinh doanh liên hệ với nhân viên Công ty M (trực tại các hộ kinh doanh) để cung cấp tên hàng hóa đã mua bán, số tiền trả trước, kèm theo các giấy tờ cá nhân, số điện thoại khách hàng và 02 số điện thoại người thân khách hàng để làm thủ tục vay tiền. Người mua hàng được nhận sổ hướng dẫn thanh toán và có trách nhiệm trả gốc và lãi cho Công ty M hàng tháng. Nếu thực hiện đúng quy trình, thỏa thuận trên các nhân viên Công ty M được hưởng lương theo hợp đồng lao động; nếu đạt chỉ tiêu Công ty M giao sẽ được nhận thêm ưu đãi; các hộ kinh doanh có thể được hưởng một khoản hoa hồng cơ bản 1% trên tổng cấp vốn của tháng trước đó; nếu đạt chỉ tiêu của Công ty M sẽ được thêm 1% của tháng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 10/2019, bị cáo Võ Thị Ngọc Gi - chủ hộ kinh doanh và các bị cáo khác đã lợi dụng việc Công ty M cho vay tiền mua hàng trả góp, cố ý thực hiện không đúng các quy định nêu trên, sử dụng các thủ đoạn gian dối để Công ty M tin tưởng, giải ngân, cấu kết nhau lấy thông tin người dân, làm khống hợp đồng vay (thực tế không có khách hàng mua hàng hóa tại các cửa hàng) nhằm mục đích chiếm đoạt tiền giải ngân của Công ty M để tiêu xài, thanh toán các khoản nợ trước đó với Công ty M, hưởng các lợi ích cao hơn mức hoa hồng được Công ty M chi trả trên tổng số vốn giải ngân được trong tháng. Cụ thể các bị cáo đã lập khống 110 hợp đồng vay, chiếm đoạt số tiền của Công ty M là 1.829.320.000 đồng. Riêng bị cáo Gi cùng với bị cáo Qu và L thực hiện hành vi phạm tội tại cửa hàng Thanh H chiếm đoạt số tiền của 101 hợp đồng vay khống là 1.679.380.000 đồng. Với những tình tiết này, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Võ Thị Ngọc Gi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2.2] Bị cáo Gi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, vì bị cáo cho rằng không biết các quy định trong hợp đồng hợp tác với công ty; bị cáo Gi tin tưởng bị cáo Qu nói rằng công ty có cho vay tiền mặt, mục đích muốn tăng doanh số để hưởng 1% hoa hồng của công ty nên đã nhận giải ngân từ công ty; chuyển khoản cho bị cáo Qu mặc dù không có khách hàng đến mua hàng tại cửa hàng cần vay tiền mua hàng để trả góp, không biết có việc khách vay tiền mặt hay không, không biết và không tham gia vào việc bị cáo Qu, L lập hợp

đồng vay không, chiếm đoạt tiền của công ty. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Gi là người quản lý cửa hàng Thanh H, biết rõ không có khách hàng vay tiền để mua hàng hoá, không biết thông tin người vay tiền, số tiền vay, hợp đồng vay không được lập tại cửa hàng, nhưng vì vụ lợi vẫn đồng ý nhận số tiền giải ngân của Công ty M, chuyển tiền cho bị cáo Qu, giúp cho các bị cáo Qu, L chiếm đoạt số tiền của 101 hợp đồng vay không là 1.679.380.000 đồng. Bị cáo Gi là đồng phạm, là mắt xích quan trọng không thể thiếu giúp cho bị cáo Qu và L trong việc làm không hợp đồng để chiếm đoạt tiền của Công ty M nên hành vi của tất cả các bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”. Tại phiên tòa bị cáo có nộp Biên lai thu tiền số 0000026 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh chứng minh bị cáo đã nộp thêm 10.396.908 đồng, bị cáo cho rằng đã bồi thường hết số tiền thiệt hại cho bị hại, nhưng chứng cứ mới này không có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Việc bị cáo nộp khắc phục số tiền 10.396.908 đồng sẽ được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[3] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Ngọc Gi; Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần có kháng cáo.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Thị Ngọc Gi phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Ngọc Gi; Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần có kháng cáo.

2. Tuyên bố Võ Thị Ngọc Gi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc Gi (S) 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Thị Ngọc Gi phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tây Ninh; (2)
- UBND xã Suối Ng, huyện Tân Ch, tỉnh (2)
Tây Ninh;
- Bị cáo Võ Thị Ngọc Gi (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh